

Số: /KH-THPTHB

Hoành Bò, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển giáo dục năm học 2026-2027

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Văn bản số 853/SGDDĐT-KHTC ngày 19/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2026–2027;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông, tuyển sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và trường phổ thông nội trú năm học 2026–2027 tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ tình hình thực tiễn về quy mô trường lớp, đội ngũ, cơ sở vật chất và kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của Trường THPT Hoành Bò;

Trường THPT Hoành Bò xây dựng Kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2026–2027 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi, khó khăn

1.1. Thuận lợi

Trường THPT Hoành Bò luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh, cấp ủy, chính quyền địa phương và sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn. Tập thể lãnh đạo nhà trường đoàn kết, có tầm nhìn, chủ động đổi mới trong quản trị, điều hành các hoạt động giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; nhiều giáo viên có kinh nghiệm, trách nhiệm, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giảng dạy.

Chất lượng giáo dục của nhà trường có sự ổn định và từng bước nâng cao. Kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 đạt 100%, điểm trung bình các môn đạt 6,082, cao hơn mức trung bình của tỉnh và cả nước; thứ hạng được

cải thiện qua các năm. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi có chuyển biến tích cực, số lượng và chất lượng giải tăng.

Học sinh cơ bản có ý thức rèn luyện, tinh thần học tập tích cực; đa số cha mẹ học sinh quan tâm, phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục.

Nhà trường có khuôn viên tương đối rộng, cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học; hạ tầng công nghệ thông tin từng bước được đầu tư, tạo điều kiện triển khai chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý và dạy học.

1.2. Khó khăn, hạn chế

Nhiều năm trường thiếu giáo viên. Đội ngũ giáo viên còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ giữa các môn học; một bộ phận giáo viên còn hạn chế trong đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Chất lượng đầu vào học sinh chưa đồng đều, còn chênh lệch lớn giữa các khu vực; một bộ phận học sinh chưa có động cơ học tập rõ ràng, kỹ năng tự học còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục toàn diện.

Một số cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đúng mức đến việc học tập, rèn luyện của con em; việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong một số trường hợp chưa hiệu quả.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học còn thiếu và chưa đồng bộ, đặc biệt là thiết bị phục vụ dạy học theo Chương trình GDPT 2018; hệ thống công nghệ thông tin, đường truyền mạng chưa thật sự ổn định; điều kiện sân chơi, bãi tập, nhà đa năng còn hạn chế.

Vẫn còn tình trạng học sinh vi phạm an toàn giao thông, ý thức chấp hành nội quy, quy định trong một bộ phận học sinh chưa cao.

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển giáo dục

Sự phát triển giáo dục của nhà trường chịu tác động tổng hợp của nhiều yếu tố, trong đó nổi bật là:

- Công tác lãnh đạo, quản trị nhà trường: Tầm nhìn chiến lược, năng lực điều hành của tập thể lãnh đạo có vai trò quyết định trong định hướng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

- Chất lượng đội ngũ: Trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, khả năng thích ứng với đổi mới và chuyển đổi số của đội ngũ giáo viên ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục.

- Điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ: Mức độ đáp ứng của phòng học, thiết bị dạy học, hạ tầng số là yếu tố quan trọng trong triển khai Chương trình GDPT 2018 và chuyển đổi số.

- Đặc điểm học sinh và địa bàn: Học sinh đến từ nhiều khu vực khác nhau, trong đó có vùng khó khăn, ảnh hưởng đến chất lượng đầu vào và công tác tổ chức

dạy học.

- Sự phối hợp của gia đình và xã hội: Sự đồng thuận, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội có vai trò quan trọng trong giáo dục toàn diện học sinh.

- Chính sách và sự chỉ đạo của cấp trên: Các chủ trương, chính sách, định hướng phát triển giáo dục của Trung ương, của tỉnh và của ngành là căn cứ định hướng toàn bộ hoạt động của nhà trường.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM HỌC 2024-2025, ƯỚC THỰC HIỆN NĂM HỌC 2025-2026

1. Quy mô mạng lưới trường, lớp, học sinh

Nhà trường duy trì ổn định và từng bước phát triển quy mô trường, lớp theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh, phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực đáp ứng của đơn vị.

Năm học 2024–2025, toàn trường có 24 lớp với 1.051 học sinh; ước thực hiện năm học 2025–2026 có 26 lớp với 1.143 học sinh, tăng cả về số lớp và quy mô học sinh. Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đạt cao; tỷ lệ học sinh bỏ học duy trì ở mức thấp (dưới 1%).

Công tác giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật được quan tâm; nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định, tạo điều kiện cho học sinh được học tập, rèn luyện trong môi trường bình đẳng.

2. Tình hình phát triển đội ngũ

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; được bố trí, sử dụng theo vị trí việc làm và từng bước được kiện toàn phù hợp với yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018.

Nhà trường chú trọng công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, dự giờ, thao giảng, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ.

Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở một số môn học; năng lực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá của một bộ phận giáo viên chưa đồng đều, ảnh hưởng nhất định đến chất lượng giáo dục.

3. Chất lượng giáo dục và đào tạo

3.1. Kết quả triển khai Chương trình GDPT 2018

Nhà trường triển khai nghiêm túc, linh hoạt Chương trình GDPT 2018; tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; thực hiện phân hóa đối tượng học sinh, đáp ứng nhu cầu học tập.

Các hoạt động giáo dục được tổ chức đa dạng, gắn với thực tiễn; chú trọng giáo dục STEM, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, góp phần phát triển toàn diện học sinh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và bước đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và dạy học; triển khai các nền tảng học tập trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học.

3.2. Chất lượng giáo dục hai mặt

a) Kết quả học tập

Chất lượng học tập của học sinh có chuyển biến tích cực qua các năm. Năm học 2024–2025, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực Tốt đạt gần 24%, Khá trên 60%; tỷ lệ học sinh chưa đạt ở mức rất thấp.

Học kỳ I năm học 2025–2026, tỷ lệ học sinh xếp loại Tốt đạt trên 25%, Khá trên 59%, tiếp tục duy trì xu hướng nâng cao chất lượng.

b) Kết quả rèn luyện

Tỷ lệ học sinh xếp loại rèn luyện Tốt, Khá duy trì ở mức cao (trên 95%), thể hiện nền nếp, kỷ cương trong nhà trường được giữ vững; môi trường giáo dục an toàn, thân thiện được đảm bảo.

3.3. Kết quả thi học sinh giỏi

Chất lượng đội tuyển học sinh giỏi cấp tỉnh có chuyển biến rõ nét. Năm học 2025–2026, nhà trường đạt 25 giải, tăng so với năm học trước, trong đó có 02 giải Nhất; số lượng và chất lượng giải được nâng lên, khẳng định hướng đi đúng trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

Bên cạnh đó có 01 học sinh đạt Huy chương Vàng Olympic Hóa học và Khoa học tự nhiên năm 2026 của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

3.4. Kết quả thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học

Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt 100%; điểm trung bình các môn đạt 6,082 điểm, cao hơn mức trung bình của tỉnh và cả nước; xếp thứ 13/80 cơ sở giáo dục có học sinh dự thi, tiếp tục được cải thiện thứ hạng.

Tỷ lệ học sinh đỗ đại học lần 1 đạt 93,77% trên tổng số học sinh đăng ký xét tuyển, phản ánh hiệu quả công tác dạy học, ôn tập và định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

3.5. Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, ngoại ngữ

Nhà trường triển khai hiệu quả các đề án, kế hoạch về nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ; duy trì các hoạt động giao lưu, trải nghiệm, câu lạc bộ Tiếng Anh, từng bước hình thành môi trường sử dụng ngoại ngữ trong nhà trường.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đẩy mạnh; triển khai các nền tảng số trong quản lý, dạy học; bước đầu ứng dụng AI trong thiết kế bài giảng, kiểm tra, đánh giá; góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục và quản trị nhà trường.

4. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Cơ sở vật chất nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học; các phòng học, phòng chức năng được khai thác, sử dụng hiệu quả.

Tuy nhiên, một số hạng mục còn hạn chế: thiết bị dạy học chưa đồng bộ; thiết bị phục vụ Chương trình GDPT 2018 còn thiếu; hệ thống công nghệ thông tin, đường truyền mạng chưa ổn định; điều kiện sân chơi, bãi tập, nhà đa năng chưa đáp ứng yêu cầu.

5. Tài chính và thực hiện chế độ chính sách

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính, ngân sách; xây dựng và triển khai kế hoạch tài chính theo đúng hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; công tác công khai tài chính được thực hiện minh bạch.

6. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường còn một số khó khăn, hạn chế:

- Đội ngũ giáo viên còn thừa, thiếu cục bộ; năng lực đổi mới chưa đồng đều.
- Chất lượng đầu vào học sinh chưa đồng đều, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.
- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới.
- Một bộ phận học sinh, phụ huynh chưa thực sự quan tâm đúng mức đến việc học tập, rèn luyện.

Nguyên nhân chủ yếu do đặc điểm địa bàn, điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn; nguồn lực đầu tư còn hạn chế; yêu cầu đổi mới giáo dục ngày càng cao trong khi điều kiện thực tế còn nhiều khó khăn.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026-2027

1. Quy mô mạng lưới trường, lớp

- Tiếp tục duy trì ổn định và phát triển quy mô trường, lớp phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, bảo đảm đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018 và định hướng phát triển giáo dục của tỉnh.
- Năm học 2026–2027, nhà trường duy trì quy mô 28 lớp với khoảng 1.200–1.250 học sinh, trong đó tuyển sinh 10 lớp 10, khoảng 450 học sinh theo đúng chỉ tiêu và vùng tuyển sinh được giao.

Nhà trường phấn đấu duy trì tỷ lệ học sinh bỏ học $\leq 0,5\%$, nâng cao hiệu quả công tác duy trì sĩ số, đảm bảo 100% học sinh được học tập đầy đủ các môn học, chuyên đề theo chương trình.

- Giải pháp: tăng cường phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm, gia đình và các tổ chức trong nhà trường; kịp thời phát hiện, hỗ trợ học sinh có nguy cơ bỏ học; nâng cao hiệu quả công tác tư vấn, định hướng học tập.

2. Kế hoạch phát triển đội ngũ

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Phần đầu 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó $\geq 20\%$ có trình độ sau đại học; 100% giáo viên được bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao năng lực thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học; phần đầu 100% giáo viên sử dụng thành thạo CNTT, $\geq 70\%$ giáo viên ứng dụng AI trong dạy học, mỗi giáo viên có ít nhất 01 sản phẩm học liệu số/năm.

Giải pháp: tổ chức bồi dưỡng theo chuyên đề; tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; phát huy vai trò giáo viên cốt cán; gắn đánh giá, thi đua với hiệu quả công việc, tăng cường bồi dưỡng giáo viên, nhân viên.

3. Kế hoạch cơ sở vật chất

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018 và chuyển đổi số.

Phần đầu 100% phòng học có thiết bị trình chiếu và kết nối internet ổn định; từng bước hoàn thiện phòng học bộ môn, đặc biệt là phòng Tin học, Ngoại ngữ; bổ sung thiết bị dạy học còn thiếu.

Đồng thời, tiếp tục tham mưu cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm đáp ứng yêu cầu dạy học và tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

Chỉ tiêu tiết kiệm: giảm tối thiểu 10% điện năng, 30% sử dụng giấy so với năm học trước.

4. Kế hoạch tài chính

Thực hiện quản lý tài chính theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; gắn phân bổ và sử dụng kinh phí với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục.

Xây dựng và tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm học 2026–2027 phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, trong đó:

- Chi thường xuyên: đảm bảo các khoản chi cho hoạt động dạy học, quản lý, chi trả lương, phụ cấp, các chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Chi chuyên môn: ưu tiên kinh phí cho đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Chi đầu tư, mua sắm: tập trung bổ sung thiết bị dạy học theo Chương trình GDPT 2018; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, phục vụ chuyển đổi số.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; đảm bảo 100% đối tượng được thụ hưởng đúng quy định.

Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phần đầu giảm tối thiểu 10% chi phí điện năng, 30% chi phí văn phòng phẩm thông qua đẩy mạnh ứng dụng hồ sơ điện tử, chuyển đổi số trong quản lý.

Thực hiện công khai tài chính theo quy định; tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ trong quản lý, sử dụng kinh phí và tài sản công.

5. Về chất lượng giáo dục

5.1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng mũi nhọn; giữ vững và nâng cao thứ hạng trong kỳ thi tốt nghiệp THPT.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và dạy học; phát triển giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng môi trường giáo dục “Xanh – Số – Hạnh phúc”, tăng cường giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng số, ý thức công dân; từng bước hình thành môi trường sử dụng Tiếng Anh trong nhà trường.

5.2. Chỉ tiêu cụ thể

- Đối với học sinh:

+ Tỷ lệ lên lớp $\geq 99,5\%$; bỏ học $\leq 0,5\%$

+ Học lực: Tốt $\geq 22\%$, Khá $\geq 52\%$

+ Rèn luyện Tốt, Khá $\geq 97\%$

+ Học sinh giỏi tỉnh ≥ 25 giải (có giải Nhất)

+ Tốt nghiệp THPT: 100%; nâng cao thứ hạng

+ Tỷ lệ đỗ đại học $\geq 70\%$

- Đối với giáo viên:

+ 100% hoàn thành nhiệm vụ

+ $\geq 80\%$ giờ dạy Khá, Giỏi

+ 100% ứng dụng CNTT

- Đối với nhà trường:

Đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến trở lên

5.3. Giải pháp thực hiện

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng thực chất

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng kho học liệu số

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội

- Nâng cao hiệu quả công tác tư vấn tâm lý, hướng nghiệp

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo chung, tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch.

- Các Phó Hiệu trưởng theo lĩnh vực được phân công (chuyên môn; học sinh, cơ sở vật chất, y tế) chủ trì tổ chức thực hiện; hướng dẫn, kiểm tra các bộ phận và cá nhân trong phạm vi phụ trách.

- Các tổ chuyên môn xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học; tổ chức sinh hoạt chuyên môn; nâng cao chất lượng bộ môn, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu. Giáo viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục theo kế hoạch; chịu trách nhiệm về chất lượng bộ môn, lớp được phân công; phối hợp với gia đình trong quản lý, giáo dục học sinh.

- Tổ Văn phòng tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về tài chính, hành chính, cơ sở vật chất, thiết bị, y tế; đảm bảo phục vụ các hoạt động của nhà trường. Nhân viên thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm; phục vụ kịp thời các

hoạt động của nhà trường; quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản, trang thiết bị được giao.

- Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức trong nhà trường phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục, phong trào thi đua; góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

Nơi nhận:

- Sở GD & ĐT Quảng Ninh (bc);
- Hội đồng trường;
- Các tổ chức, đoàn thể;
- Công khai;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Định